

DANH SÁCH
Học sinh trúng tuyển vào lớp 10 Trường Trung học phổ thông Chuyên năm học 2025 - 2026
Khóa ngày 03 tháng 6 năm 2025
(Kèm theo Quyết định số 884/QĐ-SGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Môn chuyên: Vật lí

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Điểm môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển
1	09.055	HOÀNG MINH ÁNH	Nữ	Nùng	01/08/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.50	7.75	8.75	9.00	43.00
2	09.227	VŨ ĐỨC HUY	Nam	Tày	21/10/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.25	7.75	8.75	8.75	42.25
3	09.266	LA THANH LÂM	Nam	Tày	20/12/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.75	8.00	9.00	8.25	42.25
4	09.064	LƯƠNG GIA BẢO	Nam	Nùng	27/04/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.25	7.25	9.50	8.50	42.00
5	09.521	TỔNG SƠN TÙNG	Nam	Nùng	12/02/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.00	7.25	7.25	9.25	41.00
6	09.203	PHẠM TUẤN HÙNG	Nam	Tày	13/02/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.25	7.50	9.25	7.75	40.50
7	09.352	HOÀNG NGUYỄN BẢO NAM	Nam	Tày	17/05/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.00	8.00	8.00	8.25	40.50
8	09.178	LÝ ĐỖ TRUNG HIẾU	Nam	Tày	17/02/2010	Cao Bằng	THCS Nước Hai	8.50	8.00	7.50	8.00	40.00
9	09.053	VI TUẤN ANH	Nam	Nùng	07/01/2010	Cao Bằng	THCS Nguyễn Huệ	8.00	7.00	8.25	8.25	39.75
10	09.206	TRƯỜNG VIỆT HÙNG	Nam	Tày	11/12/2010	Cao Bằng	THCS Hòa Chung	8.00	7.00	8.75	8.00	39.75
11	09.354	LỤC BẢO NAM	Nam	Nùng	22/04/2010	Cao Bằng	THCS Sông Hiến	8.50	8.75	7.75	7.25	39.50
12	09.514	CHUNG ĐỨC TUẤN	Nam	Kinh	23/02/2010	Bình Phước	THCS Hợp Giang	7.25	6.75	8.75	8.25	39.25
13	09.114	HOÀNG ĐỨC DŨNG	Nam	Tày	13/01/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.25	6.75	7.00	8.50	39.00
14	09.364	NGUYỄN NHƯ LÊ NGÂN	Nữ	Tày	15/09/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.50	7.25	7.75	7.75	39.00
15	09.382	NÔNG KHÔI NGUYỄN	Nam	Tày	13/02/2010	Cao Bằng	THCS Phục Hòa	8.50	7.50	9.25	6.75	38.75
16	09.074	NÔNG ĐẶNG ĐỨC BÌNH	Nam	Tày	02/12/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	9.75	8.00	7.00	6.50	37.75
17	09.094	HOÀNG TÂM CHI	Nữ	Nùng	21/02/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.25	8.50	7.25	6.75	37.50
18	09.380	HOÀNG KHÔI NGUYỄN	Nam	Tày	14/01/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.75	7.50	8.50	6.25	37.25
19	09.241	HOÀNG BẢO KHÁNH	Nam	Tày	13/10/2010	Cao Bằng	THCS Hòa Chung	8.25	8.00	8.00	6.50	37.25
20	09.253	NÔNG ANH KHÔI	Nam	Nùng	03/12/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.00	8.00	8.25	6.25	36.75
21	09.393	DƯƠNG GIA NHI	Nữ	Tày	27/07/2010	Cao Bằng	THCS Nước Hai	9.25	8.25	9.50	4.75	36.50
22	09.117	ĐÀM HOÀNG KHÁNH DƯƠNG	Nam	Tày	01/09/2010	Cao Bằng	THCS Hòa Chung	8.75	6.50	8.50	6.25	36.25

TT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Dân tộc	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Điểm Toán	Điểm Ngữ văn	Điểm Tiếng Anh	Điểm môn chuyên	Tổng điểm xét tuyển
23	09.326	MA ĐỖ QUANG MINH	Nam	Tày	01/01/2010	Cao Bằng	PTDTNT THCS Quảng Uyên	8.25	6.75	7.50	6.75	36.00
24	09.147	LƯU MINH GIANG	Nữ	Tày	23/04/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	9.75	7.50	8.25	5.25	36.00
25	09.295	LÝ ĐỨC LONG	Nam	Nùng	04/12/2010	Cao Bằng	THCS Ngọc Xuân	8.25	8.00	8.75	5.25	35.50
26	09.164	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	Tày	22/01/2010	Cao Bằng	THCS Ngọc Xuân	10.00	7.25	8.25	5.00	35.50
27	09.496	PHẠM NỮ KIỀU TRINH	Nữ	Tày	09/12/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.25	8.25	7.50	5.00	34.00
28	09.168	NÔNG THU HẰNG	Nữ	Tày	04/03/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.50	7.00	8.25	5.00	33.75
29	09.130	ĐẶNG THÀNH ĐẠT	Nam	Tày	22/01/2010	Cao Bằng	THCS Hòa Chung	8.00	7.75	7.25	5.25	33.50
30	09.222	ĐẶNG GIA HUY	Nam	Kinh	20/03/2010	Cao Bằng	THCS Hòa Chung	8.25	7.00	8.50	4.75	33.25
31	09.024	LÊ HOÀNG ANH	Nam	Tày	25/02/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.00	8.25	6.25	5.25	33.00
32	09.174	ĐỖ MẠNH HIỆP	Nam	Kinh	14/03/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.00	7.00	8.50	4.75	33.00
33	09.391	HỨA MINH NHẬT	Nam	Tày	24/08/2010	Cao Bằng	THCS Thị Trấn Trùng Khánh	8.50	6.50	8.50	4.50	32.50
34	09.052	TRẦN PHƯƠNG ANH	Nữ	Kinh	15/11/2010	Nam Định	THCS Hợp Giang	7.50	7.25	7.25	5.00	32.00
35	09.149	NÔNG TRƯỜNG GIANG	Nam	Tày	30/11/2010	Cao Bằng	THCS Hợp Giang	8.25	6.00	8.75	4.50	32.00

Danh sách gồm 35 học sinh./.